TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST Ngày: 23-5-2024 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Đông

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Sơn Hà, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông Trịnh Văn D, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2023 và tại phiên toà nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ L trình bày:

Bà và ông Trịnh Văn D có tổ chức tiệc cưới năm 2011 và đăng ký kết hôn ngày 09/4/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian đầu

vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau này bắt đầu phát sinh mâu thuẫn cãi vã. Vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay hôn nhân không còn hạnh phúc bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trịnh Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Trịnh Ngọc Yến V, sinh ngày 21/9/2011 và Trịnh Gia T, sinh ngày 16/02/2015, hiện cả 02 con đều đang sống cùng bà. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn ông Trịnh Văn D vắng mặt, không có lời trình bày:

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự có mặt đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Trương Thị Mỹ L được ly hôn với ông Trịnh Văn D. Về con chung, giao bà Trương Thị Mỹ L được quyền nuôi dưỡng cả 02 con chung, cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn ông Trịnh Văn D vắng mặt không lý do, phiên toà đã mở lần hai, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông Trịnh Văn D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 111, Quyển số 01/2011, ngày 09/4/2011 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng thể hiện, vào ngày 09/4/2011 bà Trương Thị Mỹ L và ông Trịnh Văn D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, bà L trình bày kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp.

Theo nguyên đơn bà L trình bày thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn cãi vã nhau. Vợ chồng đã nhiều lần tự hàn gắn nhưng không có kết quả, nay hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông D. Toà án đã tiến hành tổ chức hòa giải nhưng ông D không có mặt, ông D biết được thông tin bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn, nhưng không phản hồi ý kiến cho Toà án. Điều này cho thấy ông D không có nguyện vọng hoặc mong muốn được hàn gắn với vợ. Tại phiên toà bà L giữ vững yêu cầu ly hôn càng thể hiện quyết tâm và nguyện vọng của bà là muốn được ly hôn với ông D. Việc nam nữ đăng ký kết hôn với nhau xuất phát từ mong muốn tìm kiếm hạnh phúc trong cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, nếu hôn nhân không như mong muốn, không còn hạnh phúc thì ly hôn chính là giải pháp cho cả hai, nên không thể bắt buộc bà L phải tiếp tục chung sống với ông D nếu như bà không còn tình cảm.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giải quyết cho bà L được ly hôn với ông D.

[3] Về con chung: Căn cứ theo giấy khai sinh số 827, Quyển số 04/2011 ngày 30/12/2011 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và giấy khai sinh số 95/2015, Quyển số 01/2015 ngày 05/5/2015 của UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và lời trình bày của nguyên đơn thể hiện, quá trình chung sống bà L và ông D có 02 người con chung tên Trịnh Ngọc Yến V, sinh ngày 21/9/2011 và Trịnh Gia T, sinh ngày 16/02/2015, hiện cả 02 con đều đang sống cùng bà L. Bà L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu xem xét. Ông D không phản hồi trực tiếp ý kiến cho Tòa án về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cả 02 con chung hiện đang sống cùng bà L ổn định về chỗ ở và môi trường sống, nên cần thiết giao cả 02 con chung cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp nguyện vọng con chung là cháu Trịnh Ngọc Yến V và Trịnh Gia T được Toà án ghi nhận và phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L giao cả 02 con chung cháu V và cháu T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà L đã nộp xong án phí.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trương Thị Mỹ L được ly hôn với ông Trịnh Văn D.

2. Về quyền nuôi con: Giao bà Trương Thị Mỹ L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trịnh Ngọc Yến V, sinh ngày 21/9/2011 và Trịnh Gia T, sinh ngày 16/02/2015 đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Ông Trịnh Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

4. Án phí sơ thẩm: Buộc bà Trương Thị Mỹ L nộp án phí số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000485 ngày 22/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, bà L đã nộp xong án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Nghiệp